

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h40

Ngày thi: 06/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA8801	18810640006	Vũ Tuấn	An	23/7/2000			
2	TA8802	19810850001	Bùi Trần Bảo	Anh	10/1/2001			
3	TA8803	20810310073	Đặng Phương	Anh	1/1/2002			
4	TA8804	19810810125	Đặng Phương	Anh	28/11/2001			
5	TA8805	18810230045	Lê Duy	Anh	16/8/2000			
6	TA8806	19810720030	Lê Minh	Anh	10/7/2001			
7	TA8807	19810720295	Lê Ngọc Đức	Anh	21/9/2001			
8	TA8808	19810110144	Mai Việt	Anh	2/9/2001			
9	TA8809	19810340424	Ngô Đức	Anh	28/8/2001			
10	TA8810	19810720235	Nguyễn Đức	Anh	25/10/2001			
11	TA8811	19810840049	Nguyễn Lan	Anh	24/10/2001			
12	TA8812	19810720165	Nguyễn Mai	Anh	25/10/2001			
13	TA8813	19810720028	Nguyễn Tiến	Anh	10/12/2001			
14	TA8814	18810340468	Trần Diệp	Anh	27/7/2000			
15	TA8815	18810620105	Đặng Thanh	Bình	6/7/2000			
16	TA8816	19810230023	Doãn Minh	Châu	16/9/2001			
17	TA8817	19810710266	Nguyễn Thị Minh	Châu	2/1/2001			
18	TA8818	19810720040	Nguyễn Thị Kim	Chi	23/8/2001			
19	TA8819	19810820054	Phan Phương	Chi	17/11/2001			
20	TA8820	18810220027	Bùi Minh	Chiến	16/7/2000			
21	TA8821	19810720032	Dương Kiều	Chinh	12/6/2001			
22	TA8822	19810810174	Nguyễn Thị	Chinh	19/12/1994			
23	TA8823	19810720174	Lương Trọng	Đại	17/9/2001			
24	TA8824	18810430019	Nguyễn Văn	Đào	14/7/2000			

25	TA8825	19810720288	La Văn Thành	Đạt	14/11/2001			
26	TA8826	19810720082	Nguyễn Thành	Đạt	19/5/2001			
27	TA8827	19810420079	Nguyễn Tiến	Đạt	11/2/2001			
28	TA8828	19810510118	Nguyễn Xuân	Đạt	12/7/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E304**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 9h40**Ngày thi:** 06/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA8829	18810430077	Tổng Thành	Đạt	9/11/2000			
2	TA8830	19810710042	Nguyễn Thị	Diệu	1/3/2001			
3	TA8831	19810840035	Lưu Hải	Đông	19/10/2001			
4	TA8832	19810720172	Lương Trọng	Đồng	17/9/2001			
5	TA8833	19819120141	Bùi Minh	Đức	29/10/2001			
6	TA8834	19810170187	Đỗ Trọng	Đức	29/3/2001			
7	TA8835	18810310013	Nguyễn Tiến	Đức	23/10/2023			
8	TA8836	19810430140	Phạm Tuấn	Đức	24/8/2000			
9	TA8837	19810810053	Đặng Thị	Dung	13/1/2001			
10	TA8838	19810820057	Lê Thị Kim	Dung	11/11/2001			
11	TA8839	19810000144	Lê Hoàng Tấn	Dũng	2/11/2001			
12	TA8840	19810840042	Nguyễn Chí	Dũng	3/2/2001			
13	TA8841	19810110347	Nguyễn Tiến	Dũng	27/1/2000			
14	TA8842	1781110119	Nguyễn Việt	Dũng	25/1/1999			
15	TA8843	19810550201	Vũ Việt	Dũng	19/11/2001			
16	TA8844	19810850003	Hoàng Minh	Dương	23/2/2001			
17	TA8845	18810110137	Ma Ngọc	Dương	11/2/2000			
18	TA8846	19810810015	Phan Yến	Dương	1/9/2001			
19	TA8847	18810620066	Trần Danh	Dương	3/2/2000			
20	TA8848	19810720209	Trần Quý	Dương	16/10/2001			
21	TA8849	19810840005	Trần Khương	Duy	18/12/2001			
22	TA8850	19810110043	Bùi Thị Mỹ	Duyên	3/4/2001			
23	TA8851	19810810077	Trương Thị	Duyên	28/4/2001			
24	TA8852	19810810123	Đỗ Hương	Giang	26/4/2001			

25	TA8853	19810810057	Hà Hương	Giang	13/12/2001			
26	TA8854	19810820007	Lê Đăng	Giang	31/1/2001			
27	TA8855	19810340520	Nguyễn Trường	Giang	31/8/2001			
28	TA8856	19810810070	Đỗ Thanh	Hà	18/12/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E401

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h40

Ngày thi: 06/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA8857	19810720275	Đỗ Văn	Hà	26/8/2001			
2	TA8858	19810830149	Hà Thị Thu	Hà	12/11/2001			
3	TA8859	19810110007	Nghiêm Khánh	Hà	27/6/2001			
4	TA8860	19810820074	Nguyễn Chiêu	Hạ	25/5/2001			
5	TA8861	18810430007	Nguyễn Đức	Hải	16/4/2000			
6	TA8862	19810720109	Nguyễn Minh	Hải	2/6/2001			
7	TA8863	ĐVThs	Nguyễn Thiện	Hải	11/7/1981			
8	TA8864	18810810119	Nguyễn Thị	Hằng	29/10/2000			
9	TA8865	19810820001	Vũ Thuý	Hằng	17/9/2001			
10	TA8866	19810830156	Hoàng Thuý	Hạnh	5/8/2001			
11	TA8867	19810720157	Đỗ Thu	Hiền	3/4/2001			
12	TA8868	18810310259	Đặng Văn	Hiếu	2/7/2000			
13	TA8869	18810000029	Lại Minh	Hiếu	5/1/2000			
14	TA8870	18810210016	Lò Trung	Hiếu	30/8/2000			
15	TA8871	18819120016	Ngô Minh	Hiếu	25/12/2000			
16	TA8872	19810720182	Nguyễn Chí	Hiếu	11/10/2001			
17	TA8873	19810540003	Trần Minh	Hiếu	10/5/2001			
18	TA8874	18810310392	Trần Trung	Hiếu	11/9/2000			
19	TA8875	19810810129	Hoàng Thị Việt	Hoa	22/4/2001			
20	TA8876	19810720027	Nguyễn Thái	Hoà	14/10/2001			
21	TA8877	19810810027	Nguyễn Thị	Hòa	20/9/2001			
22	TA8878	19810810056	Vũ Thị	Hoài	1/4/2001			
23	TA8879	1781610028	Trần Văn	Hoàn	29/3/1999			
24	TA8880	19810510115	Bùi Duy	Hoàng	22/11/2001			

25	TA8881	19810110123	Nguyễn Hữu Việt	Hoàng	16/4/2001			
26	TA8882	19810000146	Phạm Trung	Hoàng	24/12/2001			
27	TA8883	19810170219	Phạm Văn	Hoàng	7/9/2001			
28	TA8884	19810820062	Hoàng Thị	Huệ	10/11/2001			
29	TA8885	19810810152	Nguyễn Thị Minh	Huệ	14/9/2000			
30	TA8886	19810430236	Nguyễn Văn	Hùng	28/10/2000			
31	TA8887	19810820024	Đặng Tiến	Hưng	19/4/2001			
32	TA8888	ĐVThs	Ngô Văn	Hưng	8/9/1995			
33	TA8889	19810620062	Tạ Thành Minh	Hưng	3/7/2001			
34	TA8890	19810720220	Đỗ Mai	Hương	1/12/2001			
35	TA8891	19810810072	Lý Diệu	Hương	31/12/2001			
36	TA8892	19810810158	Nguyễn Mai	Hương	25/2/2001			
37	TA8893	19810720069	Nguyễn Thị Thanh	Hương	1/2/2001			
38	TA8894	19810810042	Phạm Thị	Hương	23/8/2001			
39	TA8895	19810710097	Phạm Thê	Hữu	10/2/2001			
40	TA8896	20810000273	Chu Ngọc Tường	Huy	12/7/2002			
41	TA8897	19810430209	Dương Văn	Huy	2/8/2001			
42	TA8898	19810110031	Trần Đức	Huy	2/1/2001			
43	TA8899	19810810134	Bùi Thị Ngọc	Huyền	25/3/2001			
44	TA8900	19810810047	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	15/11/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E402

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h40

Ngày thi: 06/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA8901	19810720067	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/10/2001			
2	TA8902	19810720128	Nguyễn Thu	Huyền	24/1/2001			
3	TA8903	18819110007	Lương Ngọc	Huỳnh	23/8/2000			
4	TA8904	19810170304	Phạm Quang	Khải	25/7/2001			
5	TA8905	19810830184	Trần Đăng	Khôi	12/3/2001			
6	TA8906	18810320105	Vi Trung	Kiên	29/5/2000			
7	TA8907	19810170284	Hà Phúc	Lâm	18/9/2001			
8	TA8908	19819120004	Nguyễn Văn	Lâm	3/11/2001			
9	TA8909	ĐVThs	Nguyễn Việt Tùng	Lâm	27/7/1994			
10	TA8910	19810720269	Đoàn Thị	Lan	28/7/2001			
11	TA8911	19810810131	Lê Thị	Lan	6/12/2001			
12	TA8912	19810710151	Nguyễn Thị	Lan	21/9/2001			
13	TA8913	ĐVThs	Nguyễn Thị Hương	Lan	4/2/1997			
14	TA8914	20810810094	Dương Thị Hương	Liên	7/11/2001			
15	TA8915	20810850060	Nguyễn Thị Hà	Liên	29/3/2002			
16	TA8916	18810620106	Bùi Khắc	Linh	11/2/2000			
17	TA8917	19810810150	Hoàng Diệu	Linh	14/10/2000			
18	TA8918	1581830030	Nguyễn Đức	Linh	12/8/1997			
19	TA8919	19810810088	Nguyễn Thị	Linh	17/7/2001			
20	TA8920	19810810122	Tổng Khánh	Linh	15/9/2001			
21	TA8921	19810850004	Trịnh Hoài	Linh	23/5/2001			
22	TA8922	19819110007	Phạm Hồng Phong	Lĩnh	20/7/2001			
23	TA8923	19810720205	Hoàng Thị	Loan	22/10/2001			
24	TA8924	19810810051	Nguyễn Thị	Loan	9/2/2001			

25	TA8925	20810000120	Vũ Thị	Loan	7/4/2002			
26	TA8926	19810810096	Vũ Thị Thanh	Loan	26/7/2001			
27	TA8927	18810310610	Đặng Hoàng	Long	18/10/2000			
28	TA8928	18810210007	Đào Hải	Long	11/5/2000			
29	TA8929	18810210015	Đinh Duy Hoàng	Long	3/12/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E403

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h40

Ngày thi: 06/06/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA8930	18810110272	Lê Thanh	Long	29/4/2000			
2	TA8931	19810110296	Nguyễn Đức	Long	30/8/2001			
3	TA8932	19810820048	Nguyễn Hoàng	Long	28/1/2001			
4	TA8933	18810110172	Từ Hoàng Phi	Long	21/10/2000			
5	TA8934	19810720033	Bùi Thị Hà	Ly	1/9/2001			
6	TA8935	19810810089	Đỗ Thị	Ly	27/2/2001			
7	TA8936	19810810111	Nguyễn Khánh	Ly	17/7/2001			
8	TA8937	20810820066	Đào Thu	Mai	20/3/2002			
9	TA8938	ĐVThs	Trần Quỳnh	Mai	1/8/1995			
10	TA8939	19810810177	Trần Thị Ngọc	Mai	6/3/2001			
11	TA8940	19810720293	Vũ Quỳnh	Mai	9/10/2001			
12	TA8941	19810540193	Nguyễn Đỗ	Mạnh	20/8/2001			
13	TA8942	19810710206	Đinh Nhật	Minh	27/2/2001			
14	TA8943	18810410191	Nguyễn Nhật	Minh	21/3/2000			
15	TA8944	19810720010	Trần Đức	Minh	5/7/2001			
16	TA8945	18810310608	Trần Hữu Tiến	Minh	21/12/2000			
17	TA8946	ĐVThs	Ngô Huyền	My	5/10/1994			
18	TA8947	18810110101	Trần Hoài	Nam	14/8/2000			
19	TA8948	19810820068	Trịnh Văn	Nam	1/7/2001			
20	TA8949	19810810139	Bùi Nguyệt	Nga	4/2/2001			
21	TA8950	19810720107	Hứa Minh	Nga	12/10/2001			
22	TA8951	19810720023	Nguyễn Quỳnh	Nga	28/11/2001			
23	TA8952	1781810153	Đặng Thị Kim	Ngân	8/9/1999			
24	TA8953	19810810041	Nguyễn Thị	Ngân	14/1/2001			

25	TA8954	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	9/2/2001			
26	TA8955	19810810128	Đặng Bích	Ngọc	22/12/2001			
27	TA8956	19810820069	Hoàng Đình	Ngọc	27/11/2001			
28	TA8957	19810810013	Nguyễn Minh	Ngọc	1/8/2001			
29	TA8958	19810230006	Nguyễn Thị	Ngọc	14/6/2001			
30	TA8959	18810310079	Tổng Minh	Ngọc	29/3/2000			
31	TA8960	19810810055	Lê Thị Thanh	Nhàn	26/5/2001			
32	TA8961	19810310242	Nguyễn Tuấn	Nhật	5/6/2001			
33	TA8962	19810810054	Hoàng Lan	Nhi	15/5/2001			
34	TA8963	19810000115	Trịnh Thị	Như	25/3/2001			
35	TA8964	19810840045	Hà Phương	Nhung	1/10/2001			
36	TA8965	19810720108	Lê Hồng	Nhung	30/10/2001			
37	TA8966	19810810186	Vũ Thị Hồng	Nhung	24/8/2001			
38	TA8967	19810850013	Nguyễn Khánh	Nhường	21/6/2001			
39	TA8968	19810720021	Phạm Thị Ngọc	Oanh	8/7/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)